Bộ Giáo dục và Đào tạo
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Ban hành theo quyết định số: 355 /QĐ_ĐT ngày 03 tháng 3 năm 2011 của Hiệu trưởng)

Hệ Đào Tạo Đại học chính quy (Tín chỉ) (BA)
Ngành Đào Tạo Kinh tế Tài nguyên Môi trường (KM)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Tối Thiểu Của Tất Cả Các Môn Học 129
Điểm Trung Bình Tích Lũy Tối Thiểu 2.00

STT	Mã MH	Tên môn học	TC	LT	TH	Năm	HK
Môn Học Theo Chương Trình							
1	NN	Chuẩn đầu ra B1	0.0				
2	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5.0	75.0		1	1
3	202114	Toán cao cấp C1	3.0	45.0		1	1
4	202115	Toán cao cấp C2	3.0	45.0		1	1
5	202501	Giáo dục thể chất 1*	1.0		45.0	1	1
6	213601	Anh văn 1	5.0	75.0		1	1
7	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3.0	45.0		1	2
8	200202	Quân sự (thực hành)*	3.0		90.0	1	2
9	202121	Xác suất thống kê	3.0	45.0		1	2
10	202502	Giáo dục thể chất 2*	1.0		45.0	1	2
11	202622	Pháp luật đại cương	2.0	30.0		1	2
12	208109	Kinh tế vi mô 1	3.0	45.0		1	2
13	213602	Anh văn 2	5.0	75.0		1	2
14	208110	Kinh tế vĩ mô 1	3.0	45.0		2	1
15	208219	Cơ sở toán kinh tế	2.0	30.0		2	1
16	208222	Phân tích định lượng trong QL	3.0	30.0	30.0	2	1
17	208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3.0	45.0		2	1
18	208619	Kiến tập sinh thái	1.0			2	1
19	212104	Sinh thái học môi trường	2.0	30.0		2	1
20	212201	Hóa học môi trường	2.0	15.0	30.0	2	1
21	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3.0	45.0		2	2
22	208120	Kinh tế vĩ mô 2	2.0	30.0		2	2
23	208122	Kinh tế vi mô 2	2.0	30.0		2	2
24	208211	Kinh tế lượng căn bản	3.0	30.0	30.0	2	2
25	205221	Kinh tế tài nguyên môi trường	3.0	45.0		3	1
26	208602	Phân tích lợi ích chi phí	3.0	30.0	30.0	3	1
27	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	30.0		3	2
28	208529	Kiến tập chuyên ngành	2.0			3	2
29	208604	Định giá môi trường tài nguyên	3.0	45.0		3	2
30	208607	Kinh tế QL thủy hải sản	2.0	30.0		3	2
31	208621	Phương pháp NCKH TN_MT	2.0	30.0		3	2
32	208603	Kinh tế ô nhiễm	3.0	45.0		4	1
33	208608	Kinh tế QL khoáng sản N lượng	2.0	30.0		4	1
34	208612	Chính sách QL TNMT	3.0	45.0		4	1

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

STT	Mã MH	Tên môn học	TC	LT	TH	Năm	HK
35	208614	Kinh tế QL tài nguyên rừng	2.0	30.0		4	1
36	208620	Thực tập kinh tế tài nguyên	2.0			4	2
Cộng Nhóm:			92.0				
Nhóm MH Bắt Buộc Tự Chọn 01 - Phải Đạt 7 TC							
1	208115	Kinh tế quốc tế	3.0	45.0		3	1
2	208116	Kinh tế phát triển	3.0	45.0		3	1
3	208128	Kinh tế nguồn nhân lực	3.0	45.0		3	1
4	208130	Kinh tế công cộng	3.0	45.0		3	1
5	208340	Tài chính tiền tệ	2.0	30.0		3	1
Cộng Nhóm:			14.0				
Nhóm MH Bắt Buộc Tự Chọn 02 - Phải Đạt 7 TC							
1	208421	Dự án đầu tư	3.0	30.0	30.0	3	2
2	208609	Kinh tế QL tài nguyên nước	2.0	30.0		3	2
3	208610	Kinh tế quản lý tài nguyên đất	2.0	30.0		3	2
4	208611	Luật môi trường tài nguyên	2.0	30.0		3	2
5	208613	Kinh tế quản lý môi trường DN	3.0	45.0		3	2
Cộng Nhóm:			12.0				
Nhóm MH Bắt Buộc Tự Chọn 03 - Phải Đạt 13 TC							
1	204501	Hệ thống thông tin địa lý	3.0	45.0		2	2
2	205101	Bảo vệ môi trường	2.0	30.0		2	2
3	208336	Nguyên lý kế toán	3.0	45.0		2	2
4	208416	Quản trị học	2.0	30.0		2	2
5	212402	Độc chất học môi trường	2.0	15.0	30.0	3	1
6	212507	Đánh giá tác động môi trường	2.0	30.0		3	1
7	208616	Tiếng anh chuyên ngành	3.0	45.0		2	2
8	209509	Phong thủy ứng dụng	3.0	30.0	30.0	2	2
9	208223	Kinh tế lượng ứng dụng	2.0	30.0		3	1
Cộng Nhóm:			22.0				
Nhóm MH Bắt Buộc Tự Chọn 04 - Phải Đạt 10 TC							
1	208622	Tiểu luận tốt nghiệp	4.0	60.0			
2	208623	Định giá tài nguyên MT 2	3.0	45.0			
3	208624	Chính sách tài nguyên MT 2	3.0	45.0			
4	208625	Kinh tế ô nhiễm ứng dụng	2.0	30.0			
5	208626	Kinh tế tài nguyên ứng dụng	2.0	30.0			
6	208902	Khóa luận tốt nghiệp	10.0				
Cộng Nhóm:			24.0				

Tổng tín chỉ bắt buộc: 92 Tổng tín chỉ các nhóm bắt buộc tự chọn: 37

(*) Môn điều kiện, khi hoàn thành sinh viên sẽ được cấp chứng chỉ.

(**) Môn điều kiện, sinh viên có thể đăng ký học hoặc không. Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo Quyết định số 163/QĐ-ĐT-ĐNHL ngày 14/02/2011 của Hiệu trưởng ĐHNLTPHCM

Hiệu trưởng	Trưởng phòng Đào tạo	P. Trưởng khoa/bộ môn
TS. Trịnh Trường Giang	Th.s Trần Thanh Phong	TS.Đặng Minh Phương